



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ International Auditing Company Limited

CÔNG TY CỔ PHẦN SỬ KỸ THUẬT HOÀNG LIÊN SƠN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020



Thành viên hãng AGN International
Kiểm toán | Thuế | Tư vấn

A member firm of AGN International
Audit | Tax | Advisory

CÔNG TY CỔ PHẦN SỬ KỸ THUẬT HOÀNG LIÊN SƠN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 26

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sử kỹ thuật Hoàng Liên Sơn (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Khắc Sơn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Hà	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Kim Hoa	Thành viên
Ông Vũ Ngọc Cường	Thành viên
Ông Vũ Ngọc Sơn	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Thanh Hà	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Ngọc Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Kim Hoa	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban kiểm soát của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo gồm:

Ban kiểm soát

Bà Đinh Thị Lục	Trưởng ban
Ông Vũ Tuấn Việt	Thành viên
Ông Nguyễn Kim Cương	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Thanh Hà - Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Thanh Hà

Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 03 năm 2021

Số: 031801/2021/BCKT-iCPA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sử kỹ thuật Hoàng Liên Sơn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sử kỹ thuật Hoàng Liên Sơn (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 18 tháng 03 năm 2021, từ trang 6 đến trang 26 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sứ kỹ thuật Hoàng Liên Sơn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính này tại ngày 09 tháng 03 năm 2020.



Nguyễn Hoàng Giang

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 0997-2021-072-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (iCPA)

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2021

A blue signature of Lê Quốc Anh.

Lê Quốc Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 3384-2020-072-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		89.428.432.800	89.948.986.925
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	7.103.248.339	12.202.581.176
1. Tiền	111		6.903.248.339	10.202.581.176
2. Các khoản tương đương tiền	112		200.000.000	2.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	3.000.000.000	14.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		3.000.000.000	14.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		47.878.351.983	29.990.252.245
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	14.453.332.424	17.917.886.475
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	2.779.969.472	762.447.856
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	30.645.050.087	11.309.917.914
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	31.380.632.478	33.743.320.171
1. Hàng tồn kho	141		31.647.988.740	33.743.320.171
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(267.356.262)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		66.200.000	12.833.333
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	66.200.000	12.833.333
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		42.404.358.836	27.478.853.794
I. Tài sản cố định	220		19.309.194.851	22.744.075.827
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	19.309.194.851	22.744.075.827
- Nguyên giá	222		102.455.148.852	101.569.497.502
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(83.145.954.001)	(78.825.421.675)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		85.090.910	85.090.910
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(85.090.910)	(85.090.910)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		38.915.327	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		38.915.327	-
III. Tài sản dài hạn khác	260		23.056.248.658	4.734.777.967
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	23.056.248.658	4.734.777.967
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		131.832.791.636	117.427.840.719

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		16.688.501.359	20.252.659.747
I. Nợ ngắn hạn	310		16.388.501.359	19.952.659.747
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	2.398.555.989	5.104.304.724
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		175.080.369	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	2.408.263.306	2.282.351.964
4. Phải trả người lao động	314		5.517.251.357	5.590.800.509
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11a	1.704.497.926	2.370.692.378
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.184.852.412	4.604.510.172
II. Nợ dài hạn	330		300.000.000	300.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.11b	300.000.000	300.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		115.144.290.277	97.175.180.972
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.12	115.144.290.277	97.175.180.972
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		81.599.210.000	65.279.560.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		81.599.210.000	65.279.560.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.349.757.292	7.768.119.292
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		25.195.322.985	24.127.501.680
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		330.093.480	4.739.574.625
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		24.865.229.505	19.387.927.055
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		131.832.791.636	117.427.840.719



Vũ Nguyên Bình
Người lập biểu



Vũ Nguyên Bình
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Hà
Tổng Giám đốc
Ngày 18 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	119.425.571.869	106.010.896.295
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		361.500.954	1.527.390
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		119.064.070.915	106.009.368.905
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	67.864.477.453	59.954.025.132
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		51.199.593.462	46.055.343.773
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.056.456.833	1.710.278.029
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	23.653.039	11.902.250
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	12.543.046.728	12.123.747.627
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	12.142.892.682	11.786.529.985
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		28.546.457.846	23.843.441.940
11. Thu nhập khác	31	VI.7	420.853.531	451.651.010
12. Chi phí khác	32	VI.8	29.102.279	2.974.305
13. Lợi nhuận khác	40		391.751.252	448.676.705
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		28.938.209.098	24.292.118.645
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	4.072.979.593	4.904.191.590
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		24.865.229.505	19.387.927.055
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	2.682	2.091
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		2.682	2.091



Vũ Nguyên Bình
Người lập biểu



Vũ Nguyên Bình
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Hà
Tổng Giám đốc
Ngày 18 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

Chi tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	134.054.333.181	116.331.112.963
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(57.407.742.588)	(51.972.347.443)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(28.698.651.065)	(21.734.614.395)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(4.388.058.622)	(4.871.012.467)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.840.621.912	1.495.418.690
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(35.185.014.064)	(18.155.643.975)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	10.215.488.754	21.092.913.373
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(20.380.405.454)	(2.689.601.464)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(32.000.000.000)	(15.000.322.222)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	39.000.000.000	12.000.322.222
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.658.886.723	1.557.972.285
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(10.721.518.731)	(4.131.629.179)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.569.569.200)	(9.302.337.300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(4.569.569.200)	(9.302.337.300)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(5.075.599.177)	7.658.946.894
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	12.202.581.176	4.537.565.238
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(23.733.660)	6.069.044
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	7.103.248.339	12.202.581.176



Vũ Nguyên Bình
Người lập biểu



Vũ Nguyên Bình
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Hà
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 02 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sử kỹ thuật Hoàng Liên Sơn tiền thân là doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hóa theo quyết định số 387/QĐ-UB ngày 24 tháng 12 năm 2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5200216710 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 01/01/2004 và thay đổi lần thứ 14 ngày 09/09/2020.

Trụ sở chính: Số 93 đường Lê Lợi, phường Yên Ninh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ 14, vốn điều lệ của Công ty là 81.599.210.000 VNĐ (Tám mươi một tỷ năm trăm chín mươi chín triệu hai trăm mười nghìn đồng), tổng số cổ phần là 8.159.921 cổ phần, mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 206 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2020 là 205 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất, kinh doanh sứ cách điện, gốm sứ kỹ thuật, vật liệu chịu lửa, thủy tinh cách điện, polymer cách điện và các phụ kiện đồng bộ; sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu thiết bị điện cho đường dây và trạm và;
- Kinh doanh xuất, nhập khẩu trực tiếp nguyên, nhiên, vật liệu, tư liệu để sản xuất sứ cách điện, gốm sứ kỹ thuật, vật liệu chịu lửa, thủy tinh cách điện, polymer cách điện và thiết bị bảo vệ đường dây.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở duy nhất tại địa chỉ Số 93 đường Lê Lợi, phường Yên Ninh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán máy.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính [kỳ hoạt động]. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. (nếu áp dụng);

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 - 40
Máy móc và thiết bị	07 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất lâu dài và giấy chứng nhận ISO, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao, giấy chứng nhận ISO đã khấu hao hết.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	70.798.268	131.970.031
Tiền gửi ngân hàng	6.832.450.071	10.070.611.145
Các khoản tương đương tiền	200.000.000	2.000.000.000
Cộng	7.103.248.339	12.202.581.176

2. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
- Tiền gửi có kỳ hạn	3.000.000.000	3.000.000.000	14.000.000.000	14.000.000.000
Cộng	3.000.000.000	3.000.000.000	14.000.000.000	14.000.000.000

Các hợp đồng tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - chi nhánh Yên Bái với số tiền là 3.000.000.000 đồng, kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 7,0%/năm.

3. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH MTV Sử Hoàng Liên Sơn Đà Nẵng	2.212.260.306	2.645.770.670
Công ty TNHH Sử Hoàng Liên Sơn Hà Nội	4.311.054.492	5.097.405.087
Công ty TNHH Cao Linh	1.406.356.893	2.066.878.058
Công ty Cổ phần Công nghiệp Đông Hưng	1.525.613.080	151.328.496
Các khoản phải thu khách hàng khác	4.998.047.653	7.956.504.164
Cộng	14.453.332.424	17.917.886.475
Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số VII.1 - Bên liên quan)	1.028.134.193	880.995.060

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
ASICO Handel GmbH	2.643.334.472	-
Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Đông Nam	-	256.447.856
Công ty Cổ phần Thiết kế và sản xuất gốm sứ Bát Tràng	-	352.000.000
Các đối tượng khác	136.635.000	154.000.000
Cộng	2.779.969.472	762.447.856
Trong đó: Trả trước người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số VII.1 - Bên liên quan)	-	-

5. PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ký cược, ký quỹ (*)	14.096.000.000	10.000.000.000
Tạm ứng	83.479.908	234.979.908
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	461.443.248	1.074.938.006
Phải thu khác	16.004.126.931	-
Cộng	30.645.050.087	11.309.917.914

(*) Khoản ký quỹ là khoản tiền gửi với giá trị 14.000.000.000 đồng theo các hợp đồng cầm cố tiền gửi, thời hạn 13 tháng với lãi suất 5,5%/năm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển - Chi nhánh Yên Bái. Đến thời điểm 31.12.2020, các khoản tiền gửi nói trên có thời hạn thu hồi dưới 12 tháng.

Khoản ký quỹ với số tiền 96.000.000 đồng là khoản tiền đảm bảo thực hiện dự án theo Thỏa thuận số 08/2020 ngày 28/04/2020 về việc thực hiện dự án Cửa hàng xăng dầu 1194 Yên Ninh theo quyết định chủ trương đầu tư số 147/QĐ-UBND ngày 21/01/2020.

6. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	19.851.100.607	-	21.237.125.922	-
Công cụ, dụng cụ	6.058.679.109	-	3.587.921.012	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.103.140.200	-	1.304.336.400	-
Thành phẩm	4.028.368.154	(267.356.262)	6.717.433.224	-
Hàng hoá	576.706.337	-	857.202.450	-
Hàng gửi bán	29.994.333	-	39.301.163	-
Cộng	31.647.988.740	(267.356.262)	33.743.320.171	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	66.200.000	12.833.333
Cộng	66.200.000	12.833.333
b. Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	3.162.417.435	4.734.777.967
Chi phí thuê đất 50 năm (*)	19.372.959.000	-
Chi phí khác	520.872.223	-
Cộng	23.056.248.658	4.734.777.967

(*) Chi phí thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê theo Hợp đồng thuê đất số 129/2020/HĐTĐ ngày 31/12/2020, giữa Ủy ban Nhân dân tỉnh Yên Bái và Công ty, với tổng diện tích là 30.721,5 m² thuộc mảnh đo đạc chính lý bản đồ đo địa chính số 123-2020, địa chỉ tổ dân phố số 13, phường Yên Ninh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Thời gian sử dụng đất từ ngày 31.12.2020 đến ngày 31.12.2070.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỬ KỸ THUẬT HOÀNG LIÊN SƠNSố 93 đường Lê Lợi, phường Yên Ninh,
Thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái**Mẫu số B 09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYỄN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2020	13.349.313.060	85.540.543.799	1.810.331.819	869.308.824	101.569.497.502
Mua trong năm	-	1.030.609.834	-	-	1.030.609.834
Xây dựng cơ bản hoàn thành	644.346.446	-	-	-	644.346.446
Thanh lý, nhượng bán	(668.504.930)	-	(120.800.000)	-	(789.304.930)
Tại ngày 31/12/2020	13.325.154.576	86.571.153.633	1.689.531.819	869.308.824	102.455.148.852
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2020	9.153.573.427	67.862.032.627	950.301.483	859.514.138	78.825.421.675
Khấu hao trong năm	715.829.253	4.066.403.661	317.809.656	9.794.686	5.109.837.256
Thanh lý, nhượng bán	(668.504.930)	-	(120.800.000)	-	(789.304.930)
Tại ngày 31/12/2020	9.200.897.750	71.928.436.288	1.147.311.139	869.308.824	83.145.954.001
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2020	4.195.739.633	17.678.511.172	860.030.336	9.794.686	22.744.075.827
Tại ngày 31/12/2020	4.124.256.826	14.642.717.345	542.220.680	-	19.309.194.851

Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 67.473.889.578 đồng (Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 67.558.980.488 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**9. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công Ty Cổ Phần Phú Lâm	304.086.335	114.010.696
Công ty TNHH Tự Đức	264.827.440	352.388.440
Công ty TNHH Xây dựng và dịch vụ thương mại Ngọc Hiếu	335.440.094	1.130.190.521
Bà Nguyễn Mai Anh	413.730.420	726.491.270
Công ty CP thương mại dầu khí An Dương	271.742.998	227.193.914
Phải trả nhà cung cấp khác	808.728.702	2.554.029.883
Cộng	2.398.555.989	5.104.304.724
Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số VII.1 - Bên liên quan)	335.440.094	1.130.190.521

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số thực nộp/bù trừ trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng	194.293.342	11.484.703.814	11.043.713.443	635.283.713
Thuế nhập khẩu	-	230.433.714	230.433.714	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.088.058.622	4.072.979.593	4.388.058.622	1.772.979.593
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	19.566.567.496	19.566.567.496	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	2.282.351.964	35.357.684.617	35.231.773.275	2.408.263.306

11. PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	28.460.434	49.617.267
Bảo hiểm xã hội	-	74.903.269
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	229.053.300	229.053.300
Các khoản phải trả, phải nộp khác	355.391.145	294.971.420
Hoa hồng môi giới phải trả	822.799.608	1.585.489.056
Phải trả về thuế TNCN	268.793.439	136.658.066
Cộng	1.704.497.926	2.370.692.378
b. Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	300.000.000	300.000.000
Cộng	300.000.000	300.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/01/2019	65.279.560.000	7.270.507.292	17.019.567.625	89.569.634.917
Lãi trong năm	-	-	19.387.927.055	19.387.927.055
Phân phối lợi nhuận	-	497.612.000	(2.488.059.000)	(1.990.447.000)
Chia cổ tức	-	-	(9.791.934.000)	(9.791.934.000)
Số dư tại 31/12/2019	65.279.560.000	7.768.119.292	24.127.501.680	97.175.180.972
Tăng vốn trong năm (*)	16.319.650.000	-	(16.319.650.000)	-
Lãi trong năm	-	-	24.865.229.505	24.865.229.505
Phân phối lợi nhuận (*)	-	581.638.000	(2.908.189.000)	(2.326.551.000)
Chia cổ tức (*)	-	-	(4.569.569.200)	(4.569.569.200)
Số dư tại 31/12/2020	81.599.210.000	8.349.757.292	25.195.322.985	115.144.290.277

(*) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 06 năm 2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, phương án phân phối lợi nhuận như sau:

+ Quỹ đầu tư phát triển (3% Lợi nhuận sau thuế năm 2019):	581.638.000 đồng
+ Thưởng ban quản lý điều hành (2% Lợi nhuận sau thuế năm 2019):	387.759.000 đồng
+ Quỹ khen thưởng (5% Lợi nhuận sau thuế năm 2019):	969.397.000 đồng
+ Quỹ phúc lợi (5% Lợi nhuận sau thuế năm 2019):	969.397.000 đồng
+ Chia cổ tức (tỷ lệ 7%/VĐL):	4.569.569.200 đồng
+ Phát hành cổ phiếu thưởng:	16.319.650.000 đồng

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Bà Đinh Thị Lục	4.750.000.000	3.800.000.000
Ông Nguyễn Khắc Sơn	5.280.000.000	4.224.000.000
Bà Nguyễn Thị Kim Hoa	6.021.350.000	4.817.080.000
Ông Nguyễn Tĩnh Chinh	7.730.870.000	6.184.700.000
Ông Vũ Ngọc Cường	8.705.510.000	6.964.410.000
Ông Vũ Ngọc Hiếu	8.713.970.000	6.971.180.000
Cổ đông khác	40.397.510.000	32.318.190.000
Cộng	81.599.210.000	65.279.560.000

c. Cổ phiếu

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.159.921	6.527.956
- Cổ phiếu phổ thông	8.159.921	6.527.956
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.159.921	6.527.956
- Cổ phiếu phổ thông	8.159.921	6.527.956
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	119.425.571.869	106.010.896.295
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa	4.231.472.600	3.347.383.000
Doanh thu bán thành phẩm	115.194.099.269	102.663.513.295
Các khoản giảm trừ doanh thu	361.500.954	1.527.390
- Chiết khấu thương mại	38.036.364	1.527.390
- Hàng bán bị trả lại	323.464.590	-
Cộng	119.064.070.915	106.009.368.905

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán hàng hóa	3.862.315.216	3.049.697.915
Giá vốn của thành phẩm	63.734.805.975	56.904.327.217
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	267.356.262	-
Cộng	67.864.477.453	59.954.025.132

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	2.045.391.965	1.709.446.939
Lãi chênh lệch tỷ giá	11.064.868	831.090
Cộng	2.056.456.833	1.710.278.029

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá	23.653.039	11.902.250
Cộng	23.653.039	11.902.250

5. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên bán hàng	3.402.244.373	3.062.272.448
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	1.833.085.012	1.550.558.648
Chi phí khấu hao TSCĐ	32.996.463	30.003.564
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.914.112.957	5.968.364.354
Chi phí bằng tiền khác	1.360.607.923	1.512.548.613
Cộng	12.543.046.728	12.123.747.627

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

6. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	9.148.594.358	8.690.569.304
Chi phí vật liệu quản lý, công cụ dụng cụ	381.866.417	528.836.393
Chi phí khấu hao TSCĐ	302.697.226	324.141.295
Thuê, phí và lệ phí	391.475.490	318.204.120
Chi phí dịch vụ mua ngoài	896.987.908	1.128.846.016
Chi phí bằng tiền khác	1.021.271.283	795.932.857
Cộng	12.142.892.682	11.786.529.985

7. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập từ thanh lý sử hủy, vỡ và công cụ dụng cụ, phế liệu	415.240.000	392.147.500
Xử lý công nợ lẻ, tồn đọng	1.413.531	47.503.510
Các khoản khác	4.200.000	12.000.000
Cộng	420.853.531	451.651.010

8. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản phạt vi phạm hành chính	6.354.209	-
Chi phí đổi trả hàng lỗi	2.947.770	-
Các khoản khác	19.800.300	2.974.305
Cộng	29.102.279	2.974.305

9. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	28.938.209.098	24.292.118.645
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	154.502.279	148.174.305
Các khoản điều chỉnh tăng	154.502.279	148.174.305
<i>Chi phí không hợp lý khi tính thuế</i>	154.502.279	148.174.305
Thu nhập chịu thuế	29.092.711.377	24.440.292.950
Thuế suất	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.818.542.276	4.888.058.590
<i>Truy thu thuế TNDN từ những năm trước</i>	-	16.133.000
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP</i>	(1.745.562.683)	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.072.979.593	4.904.191.590

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

10. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế	24.865.229.505	19.387.927.055
Trừ: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính (*)	(2.983.827.224)	(2.326.551.000)
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	21.881.402.281	17.061.376.055
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.159.921	8.159.921
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.682	2.091

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số cổ phiếu lưu hành đầu năm	6.527.956	6.527.956
Số cổ phiếu lưu hành từ cổ tức được chia (**)	1.631.965	1.631.965
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.159.921	8.159.921

(*) Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng ban điều hành căn cứ vào tỷ lệ trích quỹ năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 06 năm 2020.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm 2019, Công ty chưa dự tính trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế.

(**) Trong năm căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 06 năm 2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua việc triển khai phương án trả cổ tức năm 2019 cho cổ đông hiện hữu bằng cổ phiếu được trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Theo đó, Công ty thực hiện điều chỉnh lại chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2019 phù hợp với hướng dẫn tại Chuẩn mực Việt Nam số 30 "Lãi cơ bản trên cổ phiếu".

	Số báo cáo VND	Số điều chỉnh VND	Số sau điều chỉnh VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế	19.387.927.055	-	19.387.927.055
Trừ: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính	-	(2.326.551.000)	(2.326.551.000)
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	19.387.927.055	(2.326.551.000)	17.061.376.055
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.527.956	1.631.965	8.159.921
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.970		2.091

11. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	29.599.219.104	29.951.583.869
Chi phí nhân công	34.187.754.506	30.700.696.624
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.109.837.256	4.873.413.351
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.294.823.632	11.532.932.350
Chi phí khác bằng tiền	2.938.147.300	2.946.536.226
Cộng	85.129.781.798	80.005.162.420

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Sử kỹ thuật Hoàng Liên Sơn Sài Gòn

Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ thương mại Ngọc Hiếu

Các thành viên HĐQT và Ban Tổng Giám đốc

Mối quan hệ

Thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần
Sử kỹ thuật Hoàng Liên Sơn Sài Gòn là
thành viên HĐQT của Công ty
Chủ sở hữu của Công ty TNHH Xây dựng
Ngọc Hiếu là cổ đông lớn
của Công ty
Lãnh đạo chủ chốt

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Bán hàng		
Công ty Cổ phần Sử kỹ thuật Hoàng Liên Sơn Sài Gòn	4.948.236.360	7.602.167.300
Công ty TNHH Xây dựng và dịch vụ thương mại Ngọc Hiếu	1.944.000	-
Mua hàng		
Công ty TNHH Xây dựng và dịch vụ thương mại Ngọc Hiếu	4.672.299.011	4.534.268.582

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>VND</u>
Các khoản phải thu		
Công ty Cổ phần Sử kỹ thuật Hoàng Liên Sơn Sài Gòn	1.028.134.193	880.995.060
Các khoản phải trả		
Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ thương mại Ngọc Hiếu	335.440.094	1.130.190.521

Thu nhập Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Lương, thưởng Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	4.532.135.500	3.458.406.700
Cộng	<u>4.532.135.500</u>	<u>3.458.406.700</u>

2. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính.

3. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC ĐỊA LÝ

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở khu vực trong nước và khu vực nước ngoài.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**3. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC ĐỊA LÝ (TIẾP THEO)**

Năm nay	Khu vực trong nước	Khu vực nước ngoài	Cộng
Tổng doanh thu phân bổ	108.950.262.614	10.124.873.169	119.075.135.783
Tổng chi phí phân bổ	75.992.911.946	4.438.265.274	80.431.177.220
Kết quả kinh doanh của bộ phận	32.957.350.668	5.686.607.895	38.643.958.563
Doanh thu không phân bổ theo bộ phận			2.466.245.496
Chi phí không phân bổ theo bộ phận			16.244.974.554
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			24.865.229.505
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác			21.047.915.280
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	8.168.036.752	759.065.047	8.927.101.799
Năm trước			
Tổng doanh thu phân bổ	89.580.136.184	16.430.063.811	106.010.199.995
Tổng chi phí phân bổ	66.922.914.533	5.166.760.476	72.089.675.009
Kết quả của bộ phận	22.657.221.651	11.263.303.335	33.920.524.986
Doanh thu không phân bổ theo bộ phận			2.161.097.949
Chi phí không phân bổ theo bộ phận			16.693.695.880
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			19.387.927.055
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác			2.689.601.464
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	7.326.051.562	1.343.685.104	8.669.736.666

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

3. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC ĐỊA LÝ (TIẾP THEO)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

	<u>Khu vực trong nước</u>	<u>Khu vực nước ngoài</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	14.505.548.096	2.727.753.800	17.233.301.896
Các tài sản không phân bổ của bộ phận			114.599.489.740
Tổng tài sản	3.291.656.896	986.477.388	131.832.791.636
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận			4.278.134.284
Nợ phải trả không phân bổ của bộ phận			12.410.367.075
Tổng nợ phải trả			16.688.501.359
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	17.920.725.371	759.608.960	18.680.334.331
Các tài sản không phân bổ của bộ phận			98.747.506.388
Tổng tài sản	5.223.313.594	1.585.489.056	117.427.840.719
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận			6.808.802.650
Nợ phải trả không phân bổ của bộ phận			13.443.857.097
Tổng nợ phải trả			20.252.659.747

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Công ty chỉ nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là sử kỹ thuật. Vì vậy, Công ty không trình bày thuyết minh báo cáo theo lĩnh vực kinh doanh.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

4. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC. Một số số liệu đầu năm đã được trình bày lại để phù hợp với bản chất kinh tế của nghiệp vụ phát sinh. Chi tiết như sau :

Bảng cân đối kế toán

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019:

Chỉ tiêu	Mã số	31/12/2019 Số báo cáo	Trình bày lại	01/01/2020 Trình bày lại
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	79.948.986.925	10.000.000.000	89.948.986.925
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	19.990.252.245	10.000.000.000	29.990.252.245
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	1.309.917.914	10.000.000.000	11.309.917.914
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	37.478.853.794	(10.000.000.000)	27.478.853.794
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	10.000.000.000	(10.000.000.000)	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	10.000.000.000	(10.000.000.000)	-
C. NỢ PHẢI TRẢ	300	20.252.659.747	-	20.252.659.747
I. Nợ ngắn hạn	310	20.252.659.747	(300.000.000)	19.952.659.747
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	2.670.692.378	(300.000.000)	2.370.692.378
II. Nợ dài hạn	330	-	300.000.000	300.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	-	300.000.000	300.000.000



Vũ Nguyên Bình
Người lập biểu



Vũ Nguyên Bình
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Hà
Giám đốc

Ngày 18 tháng 03 năm 2021